

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 539/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Nhật Phương H, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số 145 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Trọng N, sinh năm: 1985;

Nơi ĐKKHKT: Số 48, Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H và ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Nhật Phương H trình bày:

Bà H và ông N tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyền số

01/2014, ngày 07/01/2014. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác, bên cạnh đó, ông N không tu chí làm ăn, cờ bạc, rượu chè, hút chích. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 24/02/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: bà H và ông N chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 10/8/2013 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 24/02/2019. Hiện nay cả 02 con chung đang sống chung với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/11/2022, bị đơn ông Trần Trọng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông N và bà H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày là đúng và vợ chồng đã ly thân từ ngày 24/02/2019 cho đến nay. Do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân, hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về nuôi con chung: ông N và bà H chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 10/8/2013 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 24/02/2019. Ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 208 BLTTDS; Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Nhật Phương H được ly hôn với ông Trần Trọng N theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: bà H và ông N chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 10/8/2013 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 24/02/2019. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông N cũng đồng ý nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Nhật Phương H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Trọng N, ông N có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Nhật Phương H và ông Trần Trọng N có Đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông N theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Nhật Phương H và ông Trần Trọng N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2014, ngày 07/01/2014, nên xác định hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Cả bà H và ông N đều xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác, trong thời gian chung sống, ông N không tu chí làm ăn, cờ bạc, rượu chè, hút chích. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 24/02/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà H yêu cầu ly hôn với ông N. Ông N cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà H và ông N đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông N không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N.

[3] Về nuôi con chung: bà H và ông N chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 10/8/2013 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 24/02/2019. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung. Ông N đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cả 02 người con chung đều đang sinh sống cùng bà H cuộc sống đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao 02 người con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà H

không có yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông N đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Nhật Phương H về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Trần Trọng N.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Nhật Phương H được ly hôn với ông Trần Trọng N.

2. Về nuôi con chung: giao cho bà Nguyễn Nhật Phương H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 10/8/2013 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 24/02/2019. Ông Trần Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Nguyễn Nhật Phương H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000880 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên